

Bản án số: 09/2024/LĐ – ST
Ngày: 25 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy, công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:*
Bà Phan Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST- LĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST - LĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A, đường số B, khu công nghiệp H, xã X, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M, chức danh: Tổng giám đốc;

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số O, Y, phường Z, thành phố R, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Năm 2009, bà có cho bà Trần Thị Thanh N, sinh ngày 12/11/1991 mượn giấy tờ tùy thân để xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn túi xách S Việt Nam (Sau đây viết là Công ty S), khi đó bà N chưa đủ 18 tuổi. Công ty S có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà N, với tên của bà, theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Trong thời gian này, bà đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn U Việt Nam theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009036221 cấp ngày 30/11/2009 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Gần đây, bà biết được bà có 02 sổ bảo hiểm xã hội trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 và sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009036221, thời gian trùng là từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010, nên bà không lãnh chế độ bảo hiểm xã hội của bà được. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu:

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty S với bà nhưng người lao động và người ký hợp đồng trên thực tế là Trần Thị Thanh N. Hiện tại, bà không có hợp đồng lao động này nên không cung cấp cho Tòa án được.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 mang tên Nguyễn Thanh T làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010 thành tên của bà Trần Thị Thanh N.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thanh T. Năm 2009, bà chưa đủ 18 tuổi, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thanh T để xin việc tại Công ty S, Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà với tên của bà T. Tháng 04/2010, bà đủ 18 tuổi thì bà sử dụng giấy tờ tùy thân của bà để tiếp tục làm việc tại Công ty S. Tháng 02/2011, bà nghỉ việc tại Công ty S. Bà đã lãnh chế độ bảo hiểm xã hội với thông tin thật của bà trong thời gian làm việc từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2011 và hiện không còn giữ sổ bảo hiểm xã hội của bà trong thời gian làm việc tại Công ty S từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2011.

Bà đồng ý điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 mang tên Nguyễn Thanh T làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010 thành tên của bà là Trần Thị Thanh N. Bà không yêu cầu gộp sổ bảo hiểm xã hội này với sổ bảo hiểm xã hội của bà trong thời gian

làm việc tại Công ty S từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2011. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến: Tháng 08/2009, Công ty S có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/4/1990, số sổ BHXH được cấp là 8009022460, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH và BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng Công ty vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty S với bà Nguyễn Thanh T nhưng người lao động thật sự là bà Trần Thị Thanh N; điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 mang tên Nguyễn Thanh T làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010 thành tên của bà Trần Thị Thanh N. Bà T và bà N được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Nguyễn Thanh T khởi kiện bà Trần Thị Thanh N, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội. Bà Trần Thị Thanh N có nơi cư trú tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Công ty S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thanh N thống nhất trình bày vào năm 2009 bà T có cho bà N mượn giấy tờ tùy thân để bà N giao kết hợp đồng lao động với Công ty S, thời gian làm việc từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010. Công ty S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan nhưng không có ý kiến phản hồi về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà T và bà N là đúng sự thật. Vào tháng 08/2009, bà Trần Thị Thanh N đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Nguyễn Thanh T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Nguyễn Thanh T, nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và người thực sự làm việc tại Công ty S là bà Trần Thị Thanh N.

Từ đó, xác định giữa bà T và Công ty S không tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động. Thay vào đó, bà N mới là người lao động thật sự và có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty S theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002.

Tuy nhiên, bà N sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Công ty S sử dụng lao động là bà N nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà T nên Công ty S chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà N và Công ty S đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà T yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Thanh N (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thanh T) với Công ty S trong thời gian từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định vào tháng 08/2009, Công ty S có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/4/1990, số sổ BHXH được cấp là 8009022460, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH và BHTN.

Tuy nhiên, từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010, người lao động thực sự làm việc tại Công ty S là bà Trần Thị Thanh N. Thời điểm tháng 08/2009, bà N đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Nay, bà T và bà N thống nhất điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội nêu trên thành tên của bà Trần Thị Thanh N là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh này là bảo đảm đúng đối tượng lao động thật sự, phù hợp với quy

định về bảo hiểm xã hội tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, nên được chấp nhận, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8009022460 từ tên Nguyễn Thanh T thành tên Trần Thị Thanh N. Bà N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà N với Công ty S. Bà T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty trách nhiệm hữu hạn U Việt Nam.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T với bị đơn bà Trần Thị Thanh N.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị Thanh N (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thanh T) với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam, trong thời gian từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010, bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 cấp cho bà Nguyễn Thanh T do Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S nộp từ tháng 08/2009 đến tháng 02/2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Trần Thị Thanh N.

Bà Trần Thị Thanh N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Thanh N với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009022460 đã được điều chỉnh.

Bà Nguyễn Thanh T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thanh T với Công ty trách nhiệm hữu hạn U Việt Nam.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Nguyễn Thanh T có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000469 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương